

Số: /TB-SYT

An Giang, ngày tháng 12 năm 2025

## THÔNG BÁO

### Danh sách các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ban đầu Bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2026

Căn cứ Nghị định 188/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế;

Căn cứ Thông tư số 01/2025/TT-BYT ngày 01/01/2025 của Bộ Y tế quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế;

Căn cứ Biên bản họp ngày 16 tháng 12 năm 2025 giữa Bảo hiểm xã hội tỉnh An Giang và Sở Y tế tỉnh An Giang;

Sở Y tế tỉnh An Giang thông báo Danh sách các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ban đầu Bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2026 theo danh sách đính kèm.

Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ban đầu có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định của pháp luật về thực hiện các quy định về khám bệnh, chữa bệnh ban đầu cho người dân trên địa bàn, và các quy định liên quan.

Thông báo này sẽ được Sở Y tế tỉnh An Giang tiếp tục rà soát và cập nhật nội dung định kỳ khi có sự thay đổi thông tin./.

#### Nơi nhận:

- HĐND, UBND tỉnh;
- BHXH tỉnh (p/h);
- UBND xã, phường, đặc khu;
- BGD Sở Y tế;
- Các phòng chuyên môn của Sở Y tế;
- Trang TTĐT Sở Y tế;
- Các cơ sở KB, CB trên địa bàn tỉnh;
- Lưu: VT, NVY, nhmphuong.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Đoàn Thanh Hùng**

**DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH BAN ĐẦU BẢO HIỂM Y TẾ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG NĂM 2026**

**1. Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp chuyên sâu:**

STT	Tên	Mã CSYT
1	Bệnh viện đa khoa Kiên Giang	91001
2	Bệnh viện đa khoa An Giang	89012
3	Bệnh viện đa khoa Châu Đốc	89013

Tổng cộng 03 cơ sở.

**Đối tượng được đăng ký khám bệnh, chữa bệnh ban đầu (theo khoản 3 Điều 7 Thông tư 01/2025/TT-BYT):**

- a) Đối tượng thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý;
- b) Đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;
- c) Người có công với cách mạng, cựu chiến binh, người từ đủ 75 tuổi trở lên;
- d) Đối tượng quy định tại điểm đ và điểm e khoản 2 Điều này;
- đ) Trẻ em dưới 6 tuổi;
- e) Người công tác trong quân đội, công an khi nghỉ hưu;
- g) Người mắc bệnh cần được chữa trị dài ngày theo danh mục của Bộ Y tế tại một trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh quy định tại điểm b khoản 3 Điều 6 Thông tư này;
- h) Đối tượng khác trong trường hợp cần thiết theo đặc thù của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và yêu cầu thực tế tại địa phương: Sở Y tế lấy ý kiến cơ quan bảo hiểm xã hội tỉnh nơi cơ sở khám bệnh, chữa bệnh dự kiến ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế, tổng hợp hồ sơ báo cáo Bộ Y tế xem xét, quyết định.

**2. Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp cơ bản:**

STT	Tên	Mã CSYT
1	Trung tâm Y tế Long Xuyên	89001
2	Trung tâm Y tế Châu Đốc	89002
3	Trung tâm Y tế An Phú	89003
4	Bệnh viện đa khoa Tân Châu	89004
5	Trung tâm Y tế huyện Phú Tân	89005
6	Trung tâm Y tế Tịnh Biên	89006
7	Trung tâm Y tế Tri Tôn	89007
8	Trung tâm Y tế Châu Phú	89008
9	Trung tâm Y tế Chợ Mới	89009
10	Trung tâm Y tế Châu Thành - An Giang	89010
11	Trung tâm Y tế Thoại Sơn	89011
12	Bệnh viện Sản - Nhi An Giang	89185
13	Bệnh viện đa khoa Huỳnh Trung Dũng	89191
14	Bệnh xá Quân Y	89200

15	Bệnh viện đa khoa Nhật Tân	89338
16	Bệnh viện đa khoa Hạnh Phúc	89339
17	Bệnh viện đa khoa Bình Dân	89340
18	Trung tâm Y tế Hà Tiên	91002
19	Trung tâm y tế Hòn Đất	91003
20	Trung tâm Y tế Tân Hiệp	91004
21	Trung tâm Y tế Châu Thành - Kiên Giang	91005
22	Trung tâm Y tế Giồng Riềng	91006
23	Trung tâm Y tế Gò Quao	91007
24	Trung tâm Y tế An Biên	91008
25	Trung tâm y tế An Minh	91009
26	Trung tâm Y tế Vĩnh Thuận	91010
27	Trung tâm Y tế Phú Quốc	91011
28	Trung tâm Y tế Kiên Hải	91012
29	Trung tâm Y tế Kiên Lương	91013
30	Bệnh viện đa khoa tư nhân Bình An	91034
31	Trung tâm Y tế Giang Thành	91038
32	Trung tâm Y tế U Minh Thượng	91039
33	Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Phú Quốc	91042
34	Trung tâm Y tế Rạch Giá	91101
35	Bệnh viện Sản - Nhi Kiên Giang	91917
36	Bệnh xá số 2 Công an tỉnh An Giang	98489
37	Bệnh xá số 1 Công an tỉnh An Giang	98491

Tổng cộng: 37 cơ sở.

**Đối tượng được đăng ký khám bệnh, chữa bệnh ban đầu (theo khoản 2 Điều 7 Thông tư 01/2025/TT-BYT)**

a) Đối tượng thuộc diện được quản lý, bảo vệ sức khỏe theo Hướng dẫn số 52 HD/BTCTW ngày 02 tháng 12 năm 2005 của Ban Tổ chức Trung ương Đảng về việc điều chỉnh bổ sung đối tượng khám, chữa bệnh tại một số cơ sở y tế của Trung ương; đối tượng thuộc diện được quản lý, bảo vệ sức khỏe cán bộ của tỉnh;

b) Người có công với cách mạng, cựu chiến binh, người từ đủ 75 tuổi trở lên;

c) Trẻ em;

d) Người tham gia bảo hiểm y tế đang sinh sống tại xã đảo, huyện đảo được đăng ký khám bệnh, chữa bệnh ban đầu tại một cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên đất liền thuận lợi nhất nếu trên các xã đảo, huyện đảo không có cơ sở khám bệnh, chữa bệnh quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư này;

đ) Học sinh, sinh viên, học viên của các trường đại học, cao đẳng, trung cấp khối ngành sức khỏe được đăng ký khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc trường có ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư này; người lao động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế được đăng ký khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đang làm việc có ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư này;

e) Học sinh, sinh viên, học viên đang trong thời gian học tập, thực hành, thực tập tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế từ đủ 90 ngày trở lên được đăng ký khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đang học tập, thực hành, thực tập có ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư này; người lao động đang trong thời gian đi công tác đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế từ đủ 90 ngày trở lên được đăng ký khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi đến công tác có ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư này;

g) Người công tác trong quân đội, công an khi nghỉ hưu;

h) Người mắc bệnh cần chữa trị dài ngày theo danh mục của Bộ Y tế;

i) Công chức, viên chức, học sinh, sinh viên ngoài các trường hợp quy định tại điểm đ khoản này;

k) Các đối tượng khác.

## 2. Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp ban đầu:

STT	Tên	Mã CSYT
1	Trạm y tế Quốc Thái	89019
2	Trạm y tế Bình Đức	89020
3	Trạm y tế Bình Khánh	89021
4	Trạm y tế Mỹ Bình	89022
5	Trạm y tế Mỹ Long	89023
6	Trạm y tế Mỹ Phước	89024
7	Trạm y tế Mỹ Quý	89025
8	Trạm y tế Mỹ Xuyên	89026
9	Trạm y tế Mỹ Thới	89027
10	Trạm y tế Mỹ Thạnh	89028
11	Trạm y tế Mỹ Hòa	89029
12	Trạm y tế Mỹ Hoà Hưng	89030
13	Trạm y tế Mỹ Khánh	89031
14	Trạm y tế Châu Phú A	89032
15	Trạm y tế Châu Phú B	89033
16	Trạm y tế Vĩnh Mỹ	89034
17	Trạm y tế Vĩnh Tế	89035
18	Trạm y tế Vĩnh Ngươn	89036
19	Trạm y tế Núi Sam	89037
20	Trạm y tế Vĩnh Châu	89038
21	Trạm y tế An Châu	89039
22	Trạm y tế Cần Đăng	89040
23	Trạm y tế Vĩnh Hanh	89041
24	Trạm y tế An Hòa	89042
25	Trạm y tế Bình Hòa	89043
26	Trạm y tế Vĩnh Thành	89044

27	Trạm y tế Hòa Bình	89045
28	Trạm y tế Bình Thạnh	89046
29	Phòng khám Đa khoa khu vực An Châu	89047
30	Trạm y tế Vĩnh An	89048
31	Trạm y tế Vĩnh Nhuận	89049
32	Trạm y tế Tân Phú	89050
33	Trạm y tế Vĩnh Lợi	89051
34	Trạm y tế Núi Sập	89052
35	Trạm y tế Thoại Giang	89053
36	Trạm y tế Vĩnh Trạch	89054
37	Trạm y tế Phú Hoà	89055
38	Trạm y tế Định Thành	89056
39	Trạm y tế Định Mỹ	89057
40	Trạm y tế Vĩnh Chánh	89058
41	Trạm y tế Vĩnh Khánh	89059
42	Trạm y tế Vọng Đông	89060
43	Trạm y tế Vọng Thê	89061
44	Trạm y tế Vĩnh Phú	89062
45	Trạm y tế Tây Phú	89063
46	Trạm y tế Mỹ Phú Đông	89064
47	Trạm y tế Phú Thuận	89065
48	Trạm y tế Bình Thành	89066
49	Trạm y tế Cái Dầu	89068
50	Trạm y tế Mỹ Phú	89069
51	Trạm y tế Mỹ Đức	89070
52	Trạm y tế Bình Long	89071
53	Trạm y tế Bình Mỹ	89072
54	Trạm y tế Bình Chánh	89073
55	Trạm y tế Vĩnh Thạnh Trung	89074
56	Trạm y tế Bình Thủy	89075
57	Trạm y tế Khánh Hòa	89076
58	Trạm y tế Ô Long Vĩ	89077
59	Trạm y tế Đào Hữu Cảnh	89078
60	Trạm y tế Thạnh Mỹ Tây	89079
61	Trạm y tế Bình Phú	89080
62	Trạm y tế Chợ Mới	89081
63	Trạm y tế Hòa An	89082
64	Trạm y tế Kiến An	89083
65	Trạm y tế Long Điền A	89084
66	Trạm y tế Long Điền B	89085
67	Trạm y tế Long Kiên	89086
68	Trạm y tế Nhơn Mỹ	89087
69	Trạm y tế Kiến Thành	89088
70	Trạm y tế Mỹ Hội Đông	89089
71	Trạm y tế Hội An	89090
72	Trạm y tế An Thạnh Trung	89091

73	Trạm y tế Tấn Mỹ	89093
74	Trạm y tế Bình Phước Xuân	89094
75	Phòng khám đa khoa khu vực Mỹ Luông	89095
76	Trạm y tế Mỹ Hiệp	89096
77	Trạm y tế Phú Mỹ	89098
78	Trạm y tế Chợ Vàm	89099
79	Trạm y tế Long Sơn	89100
80	Trạm y tế Phú Hưng	89101
81	Trạm y tế Phú Thọ	89102
82	Trạm y tế Tân Hòa	89103
83	Trạm y tế Phú An	89104
84	Trạm y tế Phú Lâm	89105
85	Trạm y tế Phú Thạnh	89106
86	Trạm y tế Phú Hiệp	89107
87	Trạm y tế Bình Thạnh Đông	89108
88	Trạm y tế Hoà Lạc	89109
89	Trạm y tế Hiệp Xương	89110
90	Trạm y tế Phú Bình	89111
91	Trạm y tế Phú Long	89112
92	Trạm y tế Phú Xuân	89113
93	Trạm y tế Phú Thành	89114
94	Trạm y tế Long Thạnh	89115
95	Trạm y tế Tân An	89116
96	Trạm y tế Long An	89118
97	Trạm y tế Châu Phong	89119
98	Trạm y tế Vĩnh Xương	89120
99	Trạm y tế Phú Vĩnh	89121
100	Trạm y tế Phú Lộc	89122
101	Trạm y tế Long Phú	89123
102	Trạm y tế Lê Chánh	89124
103	Trạm y tế An Phú	89125
104	Trạm y tế Vĩnh Trường	89126
105	Trạm y tế Đa Phước	89127
106	Trạm y tế Tân Thạnh	89128
107	Trạm y tế Long Bình	89129
108	Trạm y tế Phước Hưng	89130
109	Trạm y tế Phú Hội	89131
110	Trạm y tế Khánh Bình	89132
111	Trạm y tế Vĩnh Hậu	89134
112	Trạm y tế Vĩnh Lộc	89135
113	Trạm y tế Phú Hữu	89136
114	Trạm y tế Nhơn Hội	89137
115	Trạm y tế Khánh An	89138
116	Trạm y tế Nhà Bàng	89140
117	Trạm y tế Thới Sơn	89141
118	Trạm y tế Vĩnh Hội Đông	89142

119	Trạm y tế An Phú	89144
120	Trạm y tế Vĩnh Trung	89145
121	Trạm y tế Văn Giáo	89146
122	Trạm y tế Tân Lợi	89147
123	Trạm y tế Tân Lập	89148
124	Trạm y tế Nhơn Hưng	89149
125	Trạm y tế An Nông	89150
126	Trạm y tế An Cư	89151
127	Trạm y tế An Hào	89152
128	Trạm y tế An Tức	89154
129	Trạm y tế Châu Lăng	89155
130	Trạm y tế Lương Phi	89156
131	Trạm y tế Ba Chúc	89157
132	Trạm y tế Tà Đảnh	89158
133	Trạm y tế Tân Tuyên	89159
134	Trạm y tế Vĩnh Gia	89160
135	Trạm y tế Ô Lâm	89161
136	Trạm y tế Núi Tô	89162
137	Trạm y tế Lạc Quới	89163
138	Trạm y tế Cô Tô	89164
139	Trạm y tế Lương An Trà	89165
140	Trạm y tế Lê Trì	89166
141	Phòng khám đa khoa khu vực Tịnh Biên	89167
142	Trạm y tế Hòa Bình Thạnh	89168
143	Trạm y tế Long Hòa	89169
144	Phòng khám đa khoa khu vực Đồng Ky	89170
145	Trạm y tế Mỹ Luông	89178
146	Trạm y tế Long Giang	89179
147	Trạm y tế Vĩnh Hòa	89180
148	Trạm y tế Long Châu	89182
149	Trạm y tế Long Hưng	89183
150	Phòng khám đa khoa BS. Hà Văn Tâm thuộc Công ty TNHH - Phòng khám đa khoa Hà Văn Tâm	89186
151	Trạm y tế Vĩnh Bình	89187
152	Phòng khám đa khoa Tâm Đức Thoại Sơn	89193
153	Trạm y tế Mỹ An	89202
154	Trạm y tế Núi Voi	89203
155	Trạm y tế Tân Trung	89204
156	Trạm y tế An Bình	89342
157	Trạm y tế Vĩnh Phước	89343
158	Trạm y tế Tịnh Biên	89344
159	Trạm y tế Chi Lăng	89345
160	Trung tâm Y tế Tân Châu	89347
161	Trạm y tế Óc Eo	89348
162	CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH TPONE-PHÒNG KHÁM ĐA KHOA MỸ THẠNH	89349

163	Phòng khám đa khoa Hạnh Ngọc 2	89351
164	Công Ty TNHH Phòng Khám Đa Khoa Lữ Văn Trạng	89363
165	Trạm y tế Tân Thạnh	91020
166	Trạm y tế Kiên Lương	91021
167	Trạm y tế Tân Hiệp	91023
168	Trạm y tế Minh Lương	91024
169	Trạm y tế Giồng Riềng	91025
170	Trạm y tế Gò Quao	91026
171	Trạm y tế Thứ 11	91028
172	Trạm y tế Vĩnh Thuận	91029
173	Trạm y tế Bình Trị	91031
174	Trạm y tế Phong Đông	91032
175	Trạm y tế Sơn Bình	91035
176	Trạm y tế Thanh Bình	91040
177	Phòng Khám Đa Khoa Thanh Bình	91041
178	Trạm y tế Tân Hòa	91043
179	DNTN Phòng khám đa khoa Mỹ Hạnh	91045
180	Công ty Trách nhiệm hữu hạn B V An Hòa	91046
181	Công Ty TNHH MTV PKĐK Nhân Hậu Phú Cường	91047
182	PKĐK Thanh Bình Sóc Xoài - Cty CP Bệnh viện Thanh Bình	91048
183	Công ty TNHH MTV Phòng khám đa khoa Bình Dương	91049
184	Công ty TNHH MTV Phòng khám đa khoa Vạn Phước Sóc Xoài	91050
185	Công ty TNHH MTV Phòng khám đa khoa Trung Càng	91051
186	Công ty TNHH MTV Phòng khám đa khoa Đông An	91053
187	Phòng khám đa khoa Phi Thông	91054
188	Công ty TNHH T&T-Phòng khám đa khoa 30/4 Phú Quốc	91055
189	Công ty TNHH MTV Phòng khám đa khoa Đặng Phúc	91056
190	Trạm y tế Vĩnh Lợi	91103
191	Trạm y tế Phi Thông	91104
192	Trạm y tế An Hòa	91105
193	Trạm y tế Vĩnh Quang	91106
194	Trạm y tế Vĩnh Hiệp	91107
195	Trạm y tế Vĩnh Lạc	91108
196	Trạm y tế Vĩnh Thanh	91109
197	Trạm y tế Vĩnh Thanh Vân	91110
198	Trạm y tế Vĩnh Thông	91112
199	Trạm y tế Rạch Sỏi	91113
200	Trạm y tế An Bình	91114
201	Trạm y tế Vĩnh bảo	91115
202	Trạm y tế An Sơn	91121
203	Trạm y tế Nam Du	91124
204	Trạm y tế Bình San	91201
205	Trạm y tế Đông Hồ	91202
206	Trạm y tế Pháo Đài	91203
207	Trạm y tế Mỹ Đức	91205
208	Trạm y tế Thuận Yên	91206

209	Trạm y tế Tiên Hải	91207
210	Trạm y tế Bình Minh	91251
211	Trạm y tế Vĩnh Phong	91252
212	Trạm y tế Vĩnh Thuận	91253
213	Trạm y tế Vĩnh Hòa	91254
214	Trạm y tế Vĩnh Bình Bắc	91255
215	Trạm y tế Vĩnh Bình Nam	91256
216	Trạm y tế Minh Thuận	91257
217	Trạm y tế Tân Thuận	91258
218	Trạm y tế Hòa Chánh	91259
219	Trạm y tế Bình Sơn	91302
220	Trạm y tế Bình Giang	91303
221	Trạm y tế Mỹ Hiệp Sơn	91304
222	Trạm y tế Mỹ Lâm	91305
223	Trạm y tế Nam Thái Sơn	91306
224	Trạm y tế Sơn Kiên	91307
225	Trạm y tế Sóc Sơn	91308
226	Trạm y tế Thổ Sơn	91309
227	Trạm y tế Mỹ Phước	91310
228	Trạm y tế Mỹ thuận	91313
229	Trạm y tế Linh Huỳnh	91314
230	Trạm y tế Mỹ Thái	91315
231	Trạm y tế An Thới	91352
232	Trạm y tế Bãi Thơm	91353
233	Trạm y tế Cửa Cạn	91354
234	Trạm y tế Cửa Dương	91355
235	Trạm y tế Dương Tơ	91356
236	Trạm y tế Gành Dầu	91357
237	Trạm y tế Hàm Ninh	91358
238	Trạm y tế Thổ Châu	91359
239	Trạm y tế Tân Hiệp A	91402
240	Trạm y tế Tân Hiệp B	91403
241	Trạm y tế Tân Hội	91404
242	Trạm y tế Thạnh Đông	91405
243	Trạm y tế Thạnh Đông A	91406
244	Trạm y tế Thạnh Đông B	91407
245	Trạm y tế Thạnh Trị	91408
246	Trạm y tế Tân Thành	91409
247	Trạm y tế Tân An	91410
248	Trạm y tế Lại Sơn	91453
249	Trạm y tế Bình An	91502
250	Trạm y tế Giục Tượng	91503
251	Trạm y tế Minh Hòa	91504
252	Trạm y tế Mong Thọ A	91505
253	Trạm y tế Mong Thọ B	91506
254	Trạm y tế Thạnh Lộc	91507

255	Trạm y tế Vĩnh Hòa Hiệp	91508
256	Trạm y tế Vĩnh Hòa Phú	91509
257	Trạm y tế Mong Thọ	91510
258	Trạm y tế Bình An	91552
259	Trạm y tế Dương Hòa	91553
260	Trạm y tế Hòa Điền	91554
261	Trạm y tế Phú Mỹ	91555
262	Trạm y tế Tân Khánh Hòa	91556
263	Trạm y tế Vĩnh Điều	91557
264	Trạm y tế Sơn Hải	91558
265	Trạm y tế Hòn Nghệ	91559
266	Trạm y tế Kiên Bình	91560
267	Trạm y tế Vĩnh Phú	91561
268	Trạm y tế Phú Lợi	91562
269	Trạm y tế Bàn Tân Định	91602
270	Trạm y tế Hoà An	91603
271	Trạm y tế Hoà Hưng	91604
272	Trạm y tế Hoà Lợi	91605
273	Trạm y tế Hoà Thuận	91606
274	Trạm y tế Long Thạnh	91607
275	Trạm y tế Ngọc Chúc	91608
276	Trạm y tế Thạnh Hòa	91609
277	Trạm y tế Thạnh Hưng	91610
278	Trạm y tế Thạnh Lộc	91611
279	Trạm y tế Thạnh Phước	91612
280	Trạm y tế Vĩnh Thạnh	91613
281	Trạm y tế Ngọc Thuận	91614
282	Trạm y tế Bàn Thạch	91615
283	Trạm y tế Ngọc Thành	91616
284	Trạm y tế Ngọc Hoà	91618
285	Trạm y tế Vĩnh Phú	91619
286	Trạm y tế Định An	91702
287	Trạm y tế Định Hòa	91703
288	Trạm y tế Thới Quản	91704
289	Trạm y tế Thủy Liễu	91705
290	Trạm y tế Vĩnh Hòa Hưng Bắc	91706
291	Trạm y tế Vĩnh Hòa Hưng Nam	91707
292	Trạm y tế Vĩnh Phước A	91708
293	Trạm y tế Vĩnh Phước B	91709
294	Trạm y tế Vĩnh Tuy	91710
295	Trạm y tế Vĩnh Thắng	91711
296	Trạm y tế Hưng Yên	91802
297	Trạm y tế Nam Thái	91803
298	Trạm y tế Nam Thái A	91804
299	Trạm y tế Nam Yên	91805
300	Trạm y tế Đông Thái	91806

301	Trạm y tế Đông Yên	91807
302	Trạm y tế Tây Yên	91808
303	Trạm y tế Tây Yên A	91809
304	Trạm y tế Thanh Yên	91810
305	Trạm y tế Thanh Yên A	91811
306	Trạm y tế An Minh Bắc	91902
307	Trạm y tế Đông Hưng	91903
308	Trạm y tế Đông Hưng A	91904
309	Trạm y tế Đông Hưng B	91905
310	Trạm y tế Đông Hòa	91906
311	Trạm y tế Đông Thạnh	91907
312	Trạm y tế Thuận Hòa	91908
313	Trạm y tế Vân Khánh	91909
314	Trạm y tế Vân Khánh Đông	91910
315	Trạm y tế Vân Khánh Tây	91911
316	Doanh nghiệp tư nhân Phòng khám bệnh Đa khoa Bác sĩ Bảnh	91914
317	Công ty TNHH phòng khám đa khoa Thanh Nguyên	91916
318	Công ty TNHH MTV Phòng khám đa khoa Liên Hương	91918
319	Công ty Cổ phần Phòng khám Đa khoa Sóc Ven	91919
320	Công ty cổ phần Phòng khám đa khoa Khu Công Nghiệp Thanh Lộc	91921
321	Công ty cổ phần Phòng khám đa khoa Thanh Bình Sóc Ven	91922
322	Công ty TNHH Phòng khám đa khoa Thiện Mỹ	91923
323	Công ty TNHH Phòng khám đa khoa Triều Nam	91924
324	Phòng khám đa khoa Công ty cổ phần Phòng khám đa khoa Hòa Thuận	91927
325	Phòng khám đa khoa Tô Châu Hà Tiên	91928
326	Công ty cổ phần Phòng khám đa khoa quốc tế DNG	91929
327	Công ty TNHH Phòng khám đa khoa Kênh 8	91930

Tổng cộng: 327 cơ sở.

### **Đối tượng được đăng ký khám bệnh, chữa bệnh ban đầu (theo khoản 1 Điều 7 Thông tư 01/2025/TT-BYT)**

Người tham gia bảo hiểm y tế thuộc tất cả các đối tượng được lựa chọn một trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế thuộc cấp khám bệnh, chữa bệnh ban đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư này gần nơi cư trú, làm việc, học tập và phù hợp với khả năng đáp ứng của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh để đăng ký khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu./.